

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Hà Nội, ngày ..6.. tháng ..2.. năm 2026

Hanoi, 6..February.. 2026

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
**Report on results of transaction in shares of Internal Person and Affiliated Persons of Internal Person**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh  
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ("SeABank")

**To:** - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/ *Name of individual*: Lê Tuấn Anh

- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam

- Số căn cước/ *Number of ID card*: Ngày cấp/*Date of issuance*: Nơi cấp/*Place of issuance*:

- Địa chỉ liên hệ/ *Contact address*:

- Điện thoại/ *Telephone*: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng/ *Current position in the public company (if any) or relationship with the public company*: Người có liên quan của người nội bộ SeABank/*Affiliated person of internal person of SeABank*.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của cá nhân thực hiện giao dịch/*Information of internal person of the public company who is the affiliated person of individual executing the transaction:*

2.1. Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person*: Nguyễn Thị Nga

- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam

- Số căn cước/ *ID card*:

- Địa chỉ liên hệ/ *Contact address*:

- Điện thoại liên hệ/*Telephone*: Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày cá nhân nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company on the date when the individual mentioned in item 1 registers for the transaction*: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT SeABank/ *Permanent Vice Chairperson of the Board of Directors of SeABank*.

- Chức vụ hiện nay tại SeABank/ *Current position in the public company*: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT SeABank/ *Permanent Vice Chairperson of the Board of Directors of SeABank*.

- Mỗi quan hệ giữa cá nhân thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual executing transaction with internal person*: Con trai/ *Son*.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ/ *Number, ownership percentage of shares held by the internal person (if any)*: 120.083.628 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 4,221% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của SeABank/ *120,083,628 shares, corresponding to 4.221% of total outstanding shares with voting right of SeABank*.

2.2. Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person*: Lê Thu Thủy

- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam

- Số căn cước/ *ID card*:

- Địa chỉ liên hệ/ *Contact address*:

- Điện thoại liên hệ/ *Telephone*:

Fax:

Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày cá nhân nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company on the date when the individual mentioned in item 1 registers for the transaction*: Phó Chủ tịch HĐQT SeABank /*Vice Chairperson of the Board of Directors of SeABank*.

- Chức vụ hiện nay tại SeABank/ *Current position in the public company*: Phó Chủ tịch HĐQT SeABank /*Vice Chairperson of the Board of Directors of SeABank*.

- Mỗi quan hệ giữa cá nhân thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual executing transaction with internal person*: Anh trai/ *Older brother*.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ/ *Number, ownership percentage of shares held by the internal person (if any)*: 65.646.053 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 2,307% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của SeABank/ *65,646,053 shares, corresponding to 2.307% of total outstanding shares with voting right of SeABank*.

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code*: SSB

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/ *Trading accounts having shares mentioned at item 3 above*: tại Công ty Cổ phần Chứng khoán . *Joint Stock Company*.

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares held before the transaction*: 36.420.166 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 1,280% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của SeABank/ *36,420,166 shares, corresponding to 1.280% of total outstanding shares with voting right of SeABank*.

6. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/ *Number of shares registered for transaction*:

- Loại giao dịch đăng ký/ *Type of transaction registered*: bán cổ phiếu/to sell shares.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/ *Number of shares registered for trading*: 6.000.000 cổ phiếu/ *6,000,000 shares*.

7. Số lượng cổ phiếu đã giao dịch/ *Number of shares being traded*

- Loại giao dịch đã thực hiện/ *Type of transaction executed*: bán cổ phiếu/ *to sell shares*
- Số lượng cổ phiếu đã giao dịch/ *Number of shares traded*: 0 cổ phiếu/ *0 shares*
- 8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/ *The expected value of transaction (at par value)*: 0 đồng/ *VND 0*.
- 9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares expected to hold after the transaction*: 36.420.166 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 1,280% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của SeABank/ *36,420,166 shares, corresponding to 1.280% of total outstanding shares with voting right of SeABank*.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/ *Number and ownership percentage of shares after the transaction of the executor and affiliated person*: 272.765.113 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 9,588% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của SeABank/ *272,765,113 shares, corresponding to 9.588% of total outstanding shares with voting right of SeABank*.
- 10. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*: Thỏa thuận và/hoặc khớp lệnh/ *negotiated transaction and/or order matching*.
- 11. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time: Expected trading time*: từ ngày/ *from* 09/01/2026 đến ngày/ *to* 06/02/2026
- 12. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/ *The reason for not completing the transaction (in case the registered amount of shares is not fully traded)*: Do điều kiện thị trường không phù hợp/ *Due to unfavorable market conditions*.

**CÁ NHÂN BÁO CÁO**  
**REPORTING INDIVIDUAL**



**Lê Tuấn Anh**

